



**PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ NGƯỜI HOẠT  
NGHĨA VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/**

*( Kèm theo Thông báo số 497/TB- HĐTD ngày 28/9/2026 của HĐTD thị*

| TT  | Các xã, phường | Tổng số              |
|-----|----------------|----------------------|
| (1) | (2)            | (3)                  |
|     | <b>TỔNG SỐ</b> | <b>2.610.527.400</b> |
| (1) | XÃ CHÂU SƠN    | 2.610.527.400        |

**ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ**  
**/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

ực hiện chế độ, chính sách đối với NHĐKCT cấp thôn )

*Đơn vị tính: Đồng*

|                |
|----------------|
| <b>Ghi chú</b> |
| (4)            |
|                |
|                |

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP THÔN  
( Kèm theo Thông báo số 497/T.HTĐTE ngày 28/9/2026 của Hội đồng thẩm định thực hiện chế độ, chính sách đối với NHĐKCT cấp thôn )

Đơn vị tính: Đồng

| TT        | Họ và tên                                                       | Chức danh                                 | Ngày tháng năm sinh | Hệ số hưởng | Số năm       |        |          | Số tháng công tác, số tháng nghỉ sớm | Thời điểm nghỉ | Tổng cộng     | Trong đó:     |                      |                  | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|-------------|--------------|--------|----------|--------------------------------------|----------------|---------------|---------------|----------------------|------------------|---------|
|           |                                                                 |                                           |                     |             | Làm tròn năm | Số năm | Số tháng | Tổng số tháng                        |                |               | Trợ cấp 1 lần | Trợ cấp năm công tác | Trợ cấp tìm việc |         |
| 1         | 2                                                               |                                           | 3                   |             |              |        |          |                                      |                |               | 23            | 24                   | 25               | 26      |
| TỔNG CỘNG |                                                                 |                                           |                     |             |              |        |          |                                      |                | 2.610.527.400 | 1.779.710.400 | 710.775.000          | 120.042.000      |         |
| I         | CÔNG TÁC DƯỚI 5 NĂM                                             |                                           |                     |             |              |        |          |                                      |                | 621.024.300   | 501.508.800   | 83.713.500           | 35.802.000       |         |
| 1         | Dương Thị Khánh                                                 | Trưởng ban công tác mặt trận              | 19/02/1990          | 0,90        | 5,0          | 4      | 9        | 57                                   | 01/07/2026     | 118.146.600   | 96.033.600    | 15.795.000           | 6.318.000        |         |
| 2         | Lã Văn Diệp                                                     | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 27/09/1986          | 1,20        | 4,5          | 4      | 3        | 51                                   | 01/07/2026     | 141.944.400   | 114.566.400   | 18.954.000           | 8.424.000        |         |
| 3         | Vì Văn Đức                                                      | Trưởng ban công tác mặt trận              | 04/02/2003          | 0,90        | 5,0          | 4      | 9        | 57                                   | 01/07/2026     | 118.146.600   | 96.033.600    | 15.795.000           | 6.318.000        |         |
| 4         | Trần Văn Xặng                                                   | Trưởng thôn                               | 10/11/1993          | 1,20        | 4,5          | 4      | 2        | 50                                   | 01/07/2026     | 139.698.000   | 112.320.000   | 18.954.000           | 8.424.000        |         |
| 5         | Giáp Thị Tâm                                                    | Trưởng ban công tác mặt trận              | 03/03/1983          | 0,90        | 4,5          | 4      | 1        | 49                                   | 01/07/2026     | 103.088.700   | 82.555.200    | 14.215.500           | 6.318.000        |         |
| II        | CÔNG TÁC TRÊN 5 NĂM TRỞ LÊN VÀ CÒN DƯỚI 5 NĂM ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU |                                           |                     |             |              |        |          |                                      |                | 1.558.299.600 | 941.241.600   | 553.878.000          | 63.180.000       |         |
| 1         | Vì Văn Trọng                                                    | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 03/03/1969          | 1,20        | 21,0         | 20     | 8        | 248                                  | 01/07/2026     | 224.920.800   | 128.044.800   | 88.452.000           | 8.424.000        |         |
| 2         | Hà Văn Châu                                                     | Bí thư chi bộ                             | 03/02/1973          | 1,20        | 22           | 21     | 9        | 261                                  | 01/07/2026     | 235.872.000   | 134.784.000   | 92.664.000           | 8.424.000        |         |
| 3         | Voòng Phu Thành                                                 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 21/02/1967          | 1,20        | 14           | 13     | 8        | 164                                  | 01/07/2026     | 139.276.800   | 71.884.800    | 58.968.000           | 8.424.000        |         |
| 4         | Hà Văn Sĩ                                                       | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 19/07/1969          | 1,20        | 20,5         | 20     | 4        | 244                                  | 01/07/2026     | 229.554.000   | 134.784.000   | 86.346.000           | 8.424.000        |         |
| 5         | Vì Văn Thắng                                                    | Trưởng ban công tác mặt trận              | 17/09/1971          | 0,90        | 16,5         | 16     | 2        | 194                                  | 01/07/2026     | 159.529.500   | 101.088.000   | 52.123.500           | 6.318.000        |         |
| 6         | Lý Thanh Sơn                                                    | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 19/10/1977          | 1,20        | 16,5         | 16     | 2        | 194                                  | 01/07/2026     | 212.706.000   | 134.784.000   | 69.498.000           | 8.424.000        |         |
| 7         | Trương Quang Hùng                                               | Bí thư chi bộ, trưởng thôn                | 08/12/1978          | 1,20        | 16,5         | 16     | 2        | 194                                  | 01/07/2026     | 212.706.000   | 134.784.000   | 69.498.000           | 8.424.000        |         |
| 8         | Nông Văn Dũng                                                   | Trưởng ban công tác mặt trận              | 17/11/1975          | 0,90        | 11,5         | 11     | 1        | 133                                  | 01/07/2026     | 143.734.500   | 101.088.000   | 36.328.500           | 6.318.000        |         |
| III       | CÔNG TÁC TRÊN 5 NĂM TRỞ LÊN VÀ CÒN TRÊN 5 NĂM ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU |                                           |                     |             |              |        |          |                                      |                | 431.203.500   | 336.960.000   | 73.183.500           | 21.060.000       |         |
| 1         | Đặng Thị Nga                                                    | Trưởng ban công tác mặt trận              | 21/12/1983          | 0,90        | 6,5          | 6      | 1        | 73                                   | 01/07/2026     | 127.939.500   | 101.088.000   | 20.533.500           | 6.318.000        |         |
| 2         | Lý Xuân Bằng                                                    | Trưởng ban công tác mặt trận              | 23/10/1983          | 0,90        | 8            | 7      | 8        | 92                                   | 01/07/2026     | 132.678.000   | 101.088.000   | 25.272.000           | 6.318.000        |         |
| 3         | Triệu Thị Hoa                                                   | Trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận | 21/12/1995          | 1,20        | 6,5          | 6      | 3        | 75                                   | 01/07/2026     | 170.586.000   | 134.784.000   | 27.378.000           | 8.424.000        |         |

Danh sách này ấn định có người 16 người

